TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2019
"V/v Ly hôn giữa
ông Nh và bà Th"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư;

2. Bà Huỳnh Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hoàng Nh**, sinh năm: 1973 (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà **Huỳnh Phương Th**, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 464 ấp T, xã Tân H1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Nh trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Huỳnh Phương Th tự tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 28/10/1998, tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh Long), tỉnh Vĩnh Long. Ông và bà Th sống hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do tính tình ngày càng không hợp, bà Th bỏ nhà đi ra ngoài sống cũng không về nhà cha mẹ ruột, thỉnh thoảng bà Th có về thăm con tại địa phương nhưng không ghé nhà, từ ngày bà

Th đi đến nay ông và bà Th không có ngồi lại để trao đổi, nói chuyện hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, từ khi làm đơn xin ly hôn đến nay ông không gặp lại bà Th, có lần ông gọi điện bà Th kêu làm đơn ly hôn để bà ký nhưng đến nay bà vẫn không về để giải quyết việc ly hôn. Nay, cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông Nh yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn bà Th. Về con chung: Ông Nh và bà Th có một người con chung là Nguyễn Hoàng Đăng Kh, sinh ngày 30/4/2002, hiện nay ông đang nuôi dưỡng và ông cũng yêu cầu nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Ông Nh cam kết trong thời kỳ hôn nhân đến thời điểm ly hôn ông và Th không có nợ chung.

* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục tố tụng nhưng bà Th vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, vụ án không kiểm tra được việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; không tiến hành hòa giải được. Con của ông Nh, bà Th là Đăng Kh xác định hiện nay bà Th đang sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, có về thăm Kh và Kh đã báo cho Th biết việc ông Nh xin ly hôn nhưng bà Th vẫn vắng mặt.

* Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới. Ông Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Th vắng mặt tại phiên tòa lần hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng Nh khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, bà Th vắng mặt suốt quá trình giải quyết. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con được quy định tại các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Ông Nh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Th vắng mặt tại phiên tòa lần hai, theo quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Hiện nay, ông Nh và bà Th không còn sống chung, sau khi phát sinh mâu thuẫn về hôn nhân ông, bà không có yêu cầu Cơ quan quản lý Nhà nước về công tác gia đình tại địa phương hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp của ông, bà; con trên 07 tuổi đã có ý kiến bằng văn bản. Ông Nh đã xác định rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp của mình trong hôn nhân, do bà Th bỏ nhà đi từ năm 2015 đến nay không sống chung, từ khi làm đơn xin ly hôn đến nay ông không gặp lại bà Th; bà Th không có ý kiến gì phản đối vấn đề xin ly hôn của ông Nh. Do đó, việc thu thập tài liệu, chứng cứ lấy ý kiến tại địa phương để tham khảo là không cần thiết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết ông Nh đã xác định được nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, thực tế ông và bà Th đã sống ly thân nhau từ nhiều năm, ông Nh xin ly hôn bà Th đã biết nhưng bà không đến Tòa để giải quyết, cũng không tìm ông Nh để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, từ đó cho thấy bà Th cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Nh nên ông kiên quyết giữ quan điểm ly hôn bà Th vì mâu thuẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nh đối với bà Th.

[2.2] Về con chung: Ông Nh và bà Th mâu thuẫn đã lâu, con chung Nguyễn Hoàng Đăng Kh, sinh ngày 30/4/2002 hiện Ông đang nuôi dưỡng, sau khi ly hôn ông yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Bà Th bỏ nhà đi thường xuyên, biết ông Nh yêu cầu nuôi con nhưng bà cũng không có ý kiến gì phản đối, nguyện vọng của Kh là muốn sống với ông Nh nên Hội đồng xét xử giao con cho ông Nh trực tiếp nuôi dưỡng; ông Nh không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Nh và bà Th tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết; nợ chung: ông Nh cam kết trong thời kỳ hôn nhân với bà Th đến thời điểm ly hôn không có nợ chung.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ, bà Tha không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Hoàng Nh và bà Huỳnh Phương Th.

1.2/ Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Đăng Kh, sinh ngày 30/4/2002 cho ông Nh trực tiếp nuôi dưỡng, bà Th không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc

trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì ông Nh có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

1.3/ Về chia tài sản: Ông Nh và bà Th tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

2/ Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng Nh phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0004245 ngày 02/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Ông Nh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Loan

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.